

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2021/DS-ST**
Ngày: 24-02-2021
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng
đất, tài sản và hủy Giấy chứng nhận
QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy 7X - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2016/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp “thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản và hủy Giấy chứng nhận QSD đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn:

1.1. Ông Tống Văn NĐ1, sinh năm 1952; (có mặt)

1.2. Ông Tống Thành NĐ2, sinh năm 1963; (có mặt)

1.3. Bà Tống Thị NĐ3, sinh năm 1973; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

1.4. Bà Tống Thị NĐ4, sinh năm 1967; (ủy quyền cho bà NĐ5)

Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, Kiên Giang

1.5. Bà Tống Thị NĐ5, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T(nay là ấp XN B), xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lại Hùng A, cư trú: Căn 2, Lô 3 PTR, phường A, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang, Luật sư Văn phòng Luật sư Hùng A, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang; (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc BĐ, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Quốc H, sinh năm 1967, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Minh (Quyết định ủy quyền số 3522/QĐ-UBND lập ngày 15/10/2019); (xin vắng mặt)

3.2. Bà Phạm Thị Lq2, sinh năm 1974;

3.3. Ông Phạm Quốc Lq3, sinh năm 1979;

Người đại diện hợp pháp của bà Lq2, ông Lq3: Ông Phạm Quốc BĐ, sinh năm 1982

3.4. Ông Đinh Văn Lq4, sinh năm 1977; (xin vắng mặt)

3.5. Ông Đinh Văn Lq5, sinh năm 1979; (có mặt)

Cùng HKTT: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

3.6. Ông Đinh Văn Lq6, sinh năm 1975 (đã ủy quyền cho bà NĐ5)

- Anh Đinh Văn Lq7, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 10, kp4, thị trấn A, Phú Quốc - Kiên Giang

3.7. Anh Đinh Văn Lq8, sinh năm 1984; (vắng mặt)

3.8. Bà Dương Thị Lq9, sinh năm 1962 (UQ bà Lq11)

3.9. Anh Tống Văn Lq10, sinh năm 1983 (đã ủy quyền cho bà Lq11)

3.10. Chị Tống Thị Lq11, sinh năm 1986; (có mặt)

3.11. Ông Tống Văn Lq12, sinh năm 1970; (xin vắng mặt)

Cùng HKTT: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Tống Thị NĐ4, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Văn Lq6: Bà Tống Thị NĐ5.

Người đại diện hợp pháp của anh Tống Văn Lq10, bà Dương Thị Lq9: Chị Tống Thị Lq11.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-11-2015 và các lời trình bày trong quá trình

tổ tụng, các nguyên đơn ông Tống Văn Gỏi, bà Tống Thị NĐ5, ông Tống Thành NĐ2, bà Tống Thị NĐ4, bà Tống Thị NĐ3 trình bày và yêu cầu như sau:

Về phần gia đình: Cha các nguyên đơn tên Tống Văn Lq13 (chết năm 1981) và mẹ Huỳnh Thị Lq14 (chết năm 2010), có tất cả 10 người con gồm:

- Tống Thị Lq15 (chết năm 2012): chồng bà Lq15 là ông Phạm Quang Lq16 (chết năm 2012) và 03 người con là Phạm Quốc BĐ, Phạm Quốc Lq3, Phạm Thị Lq2;
- Tống Văn NĐ1 (nguyên đơn);
- Tống Thị Lq17 (chết khoảng năm 2013); chồng bà Lq17 là Đinh Văn Lq18 (chết khoảng năm 1990) và 05 người con gồm: Đinh Văn Lq6, Đinh Văn Lq4, Đinh Văn Lq5, Đinh Văn Lq7, Đinh Văn Lq8;
- Tống Thị NĐ5 (nguyên đơn);
- Tống Văn Nho (đã chết năm 2005) có vợ là Dương Thị Lq9 và 03 người con là Tống Văn Lq10, Tống Thị Lq11;
- Tống Thành NĐ2 (nguyên đơn);
- Tống Thị NĐ4 (nguyên đơn);
- Tống Thị Tiến (chết hồi nhỏ, không chồng con);
- Tống Văn Lq12;
- Tống Thị NĐ3 (nguyên đơn).

Sinh thời cha, mẹ có tạo nhiều thửa đất, đã phân chia cho các con. Còn phần đất có căn nhà trên đất tọa lạc ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang có diện tích 1.745,88m² (ngang 21,5m x dài 88,5m) và căn nhà ngang 7m x dài 15m. Phần nhà và đất này do cha mẹ để lại, không có di chúc. Sau khi mẹ chết vào năm 2010 giao bà Lq17 quản lý thờ cúng. Năm 2015 bà Lq17 chết thì phát sinh tranh chấp với ông BĐ. Phần đất này khi còn sống mẹ các nguyên đơn là bà Lq14 chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là thuộc phần của cha mẹ nguyên đơn sang của ông 9 Chệt vào khoảng năm 1954 với bề ngang khoảng 1 công nhưng nay thực tế còn là 21,5m, dài từ mé sông đến Kênh chiến lược nhưng hiện nay là 88,5m. Sau khi sang thì cha mẹ nguyên đơn sống tại phần đất này. Đến khoảng năm 1974 về trên đất ở trên ruộng sinh sống, phần đất bỏ trống. Sau khi cha nguyên đơn chết (vào năm 1981) một thời gian thì mẹ nguyên đơn bà Lq14 về cất nhà ở trên phần đất đó; khi về bà sống cùng với bà Tống Thị Lq17. Đến năm 2010 má tôi chết thì bà Lq17 tiếp tục ở trên nhà và quản lý đất cho đến khi chết vào khoảng năm 2013. Sau khi bà Lq17 chết thì cháu là Đinh Văn Lq8 ở trong

nhà cho đến khi nhà bị dỡ (do BD dỡ, không nhớ rõ năm) thì Lq8 không còn ở trên đất nữa.

Ngoài ra cha mẹ nguyên đơn có 01 phần đất khoảng 100 công tầm nhỏ ở Kênh ông Lục ấp 7X, xã DH. Phần đất này cha mẹ đã phân chia cho tất cả các người con, cho cả con trai và con gái.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia đều phần đất của cha mẹ để lại thành các phần bằng nhau đối với phần đất có diện tích 1.745,88m², tọa lạc tại ấp 7X, xã DH, huyện An Minh, Kiên Giang. Năm anh em nguyên đơn gồm ND2, ND1, ND5, ND4, ND3 được nhận bằng hiện vật; nhận thành 01 phần để sử dụng cất nhà từ đường. Đất hiện nay không có nhà cửa (lý do nhà cũ dỡ ra chưa cất lại).

Đối với yêu cầu chia giá trị căn nhà xin rút lại yêu cầu vì tài sản không còn. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho Phạm Quốc BD xác định rút lại yêu cầu.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Quốc BD trình bày như sau: Nguồn gốc đất là của ông ngoại (Tống văn Lq13) sang nhượng từ ông Chệt vào năm 1953, sau đó cho cha, mẹ ông BD sử dụng. Năm 1981 ông Lq13 chết (trên phần đất ở Kênh ông Lục) gia đình ông BD tiếp tục sử dụng đất. Năm 2003 ông cha ông BD là ông Phạm Quang Lq16 đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Năm 2005 ông Lq16, bà Tống Thị Lq15 xây cất 01 căn nhà và rước bà ngoại ông BD là bà Lq14 về sống chung. Sau khi bà Lq14 chết gia đình ông BD vẫn sử dụng đất. Sau khi cha, mẹ ông BD chết các anh, chị em ông BD lập thủ tục cho ông BD thừa kế và đứng tên phần đất.

Ông BD không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cá nguyên đơn vì đất này ông được thừa kế từ cha, mẹ.

Tại Công văn số 487/UBND-TNMT ngày 30-12-2020 UBND huyện An Minh xác định: Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Phạm Quang Lq16 được thực hiện theo trình tự cấp tự kê khai (công nhận QSD đất lần đầu) do người sử dụng đất tự kê khai, không đo đạc thực tế; Việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất thì căn cứ vào đơn xin đăng ký QSD đất của người sử dụng đất kê khai. Mặt khác pháp luật đất đai không quy định cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất phải xác định là gồm những ai. Do đó UBND huyện không có cơ sở trả lời.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy: Qua biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09-3-20127-6-2019 và Tờ trích đo địa chính số: TĐ-2019 thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 1.635,7m² (bao gồm cả đất hành lang an

toàn giao thông là 423,9m²) tọa lạc tại ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Trên đất có 05 cây dừa và 25 cây chuối; hiện phần đất do ông BĐ đang quản lý, sử dụng.

Kết quả định giá: QSD đất có giá trị 1.417.500 đồng; cây trồng trên đất giá trị 7.055.000 đồng.

Tại phiên tòa,

- *Nguyên đơn:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế QSD đất. Đối với yêu cầu chia tài sản là căn nhà và hủy Giấy chứng nhận QSD đất xin rút lại yêu cầu. Nếu được chia cả 5 người cùng nhận chung một phần và xin nhận phía giáp đất ông Ghi

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: về nguồn gốc thì đây là đất do bà Lq14 và ông Lq13 mua của ông 9 Chệt. Bị đơn có quản lý sử dụng đất nhưng không liên tục và sử dụng chung với bà Lq14. Ông Lq16, bà Lq15 cũng không có văn bản thể hiện việc ông Lq13, bà Lq14 đã cho phần đất này. Việc cấp giấy của ông Lq16 là do ông tự kê khai, cơ quan có thẩm quyền thiếu kiểm tra nên Giấy được cấp là chưa hợp pháp. Mặt khác, bà Lq15 trong văn bản ủy quyền cho ông NĐ1, ông NĐ2 trước đây đã xác định đây là di sản thừa kế. Do đó, có cơ sở xác định phần đất này là di sản chưa phân chia nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế QSD đất của các nguyên đơn. Về vị trí đề nghị xem xét phần nào cho phù hợp với việc sử dụng đất.

Bị đơn: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đất này là do cha mẹ để lại. Nếu chia thì chỉ đồng ý giao phía giáp đất ông Thảo.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Theo đó xác định di sản của cụ Lq14 là ½ diện tích đất và chia đều cho các thừa kế. Theo đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chia cho các nguyên đơn 5 suất thừa kế; ông BĐ được hưởng ½ diện tích đất, suất thừa kế và công sức cải tạo của cha, mẹ và giao quản lý phần di sản còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phân chia thừa kế QSD đất và tài sản trên đất và hủy giấy chứng nhận QSD đất đối với Giấy đã cấp cho ông BĐ. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản, hủy giấy chứng nhận QSD đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa các nguyên đơn xác định rút lại yêu cầu về việc phân chia thừa kế đối với căn nhà và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất. HĐXX căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có người có đơn xin vắng mặt, có người vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan) nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[3] Về nội dung: cụ Tổng Văn Lq13 (chết năm 1981) và cụ Huỳnh Thị Lq14 (chết năm 2010), có tất cả 10 người con gồm: Tổng Thị Lq15 (chết năm 2012): chồng bà Lq15 là ông Phạm Quang Lq16 (chết năm 2012) và 03 người con là Phạm Quốc BĐ, Phạm Quốc Lq3, Phạm Thị Lq2; Tổng Văn NĐ1 (nguyên đơn); Tổng Thị Lq17 (chết khoảng năm 2013); chồng bà Lq17 là Đinh Văn Lq18 (chết khoảng năm 1990) và 05 người con gồm: Đinh Văn Lq6, Đinh Văn Lq4, Đinh Văn Lq5, Đinh Văn Lq7, Đinh Văn Lq8; Tổng Thị NĐ5 (nguyên đơn); Tổng Văn Nho (đã chết năm 2005) có vợ là Dương Thị Lq9 và 02 người con là Tổng Văn Lq10, Tổng Thị Lq11; Tổng Thành NĐ2 (nguyên đơn); Tổng Thị NĐ4 (nguyên đơn); Tổng Thị Lq19 (chết hồi nhỏ, không chồng con); Tổng Văn Lq12; Tổng Thị NĐ3 (nguyên đơn).

Sinh thời cụ Lq13, cụ Lq14 có tạo nhiều thửa đất, gồm phần đất khoảng 100 công tầm nhỏ ở Kênh ông Lục và phần đất tại ấp 7X. Quá trình sử dụng đất các cụ đã phân chia đất cho các con đối với phần đất ở Kênh ông Lục; phần đất ở ấp 7X có nguồn gốc do các cụ sang của ông 9 Chệt vào khoảng năm 1953. Các cụ sử dụng một thời gian thì đến vợ chồng bà Lq15 (cha, mẹ ông BĐ) quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng đất ông Lq16 đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2003. Năm 2012 ông Lq16, bà Lq15 chết thì ông BĐ đã lập thủ tục thừa kế và được UBND huyện An Minh cấp Giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 29-01-2013.

[4] Xác định thời điểm mở thừa kế là ngày người có di sản chết. Cụ Lq13 chết năm 1981 nên thời điểm mở thừa kế là năm 1981; cụ Lq14 chết năm 2010 nên thời điểm mở thừa kế là năm 2010.

[5] Xác định hàng thừa kế: Điều a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Luật có hiệu lực điều chỉnh tại thời điểm lập và mở thừa kế; nay là Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015) quy định “*Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết*”. Cụ Lq14 có 10 người con, trong đó có 01 người chết trước, không có chồng con. Do đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lq14 gồm có: 9 người con là: bà Lq15, ông NĐ1, bà Lq17, bà NĐ5, bà Nho, ông NĐ2, bà NĐ4, ông Lq12, bà NĐ3.

[6] Xác định di sản: Nguyên đơn xác định khi chết cụ Lq14 để lại phần đất có diện tích 1.745,88m² (đo đạc thực tế 1.635,7m²) thuộc thửa số 00, tờ bản đồ số 00, tọa lạc ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang; bị đơn xác định là đất của cha, mẹ là ông Lq16, bà Lq15 để lại thừa kế nên không phải là di sản.

HĐXX nhận thấy: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Lq13, cụ Lq14 mua của ông 9 Chệt vào khoảng năm 1953; sau đó ông Lq16, bà Lq15 (là con các cụ) đã quản lý, sử dụng và đã kê khai được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2003. Các nguyên đơn cho rằng ông Lq16, bà Lq15 không sử dụng đất này nhưng tại Bản án số 199/2009/DSPT ngày 30-7-2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã xác định tình tiết “*Xét thấy nguồn gốc diện tích đất thổ vườn của vợ chồng bà Lq15, ông Lq16 đang sử dụng tại thửa số 17 là của ông Tống Văn Lq13 (cha ruột của bà Lq15) để lại cho vợ chồng bà Lq15 sử dụng, ông Lq13 chết năm 1981 chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Đến năm 2003 ông Lq16 được cấp giấy chứng nhận QSD đất*”. Từ đó có cơ sở xác định ông Lq16, bà Lq15 có quản lý, sử dụng đất và việc sử dụng đất có sự đồng ý của cụ Lq13.

Tại thời điểm ông Lq16 kê khai đăng ký và được cấp Giấy cụ Lq14 còn sống nhưng hồ sơ kê khai không thể hiện có sự đồng ý hay không đồng ý của cụ Lq14 đối với việc vợ chồng bà Lq15 kê khai đăng ký QSD đất. Tờ khai xin cấp Giấy chứng nhận QSD đất của ông Lq16 lập ngày 12-6-2002 thể hiện nguồn gốc đất “do Nhà nước cấp”. Như vậy việc ông Lq16 kê khai là chưa phù hợp, chưa đúng về nguồn gốc đất. Bởi đất này là do cha, mẹ cho chứ không phải là do Nhà nước cấp. Mặt khác, tại các văn bản ủy quyền của bà Lq15 trong vụ án tranh chấp QSD đất giữa ông Thảo với ông Lq16, bà Lq15 về ranh NĐ1 đất bà Lq15 có nêu đất do cha mẹ để lại và các anh em là đồng thừa kế. Từ đó, đủ cơ sở xác

định phần đất mà bà Lq15 quản lý chưa phải là của riêng bà Lq15. Tuy nhiên, tại thời điểm ông Lq16 kê khai và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2003 thì phần di sản của cụ Lq13 đã hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế. Bởi vì cụ Lq13 chết năm 1981 và theo Pháp lệnh thừa kế và Bộ Luật dân sự năm 1995 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế là 10 năm, tính từ ngày công bố Pháp lệnh thừa kế là ngày 30-8-1990. Nói cách khác ông Lq16, bà Lq15 là người quản lý di sản nên đã xác lập QSD đất đối với phần di sản của cụ Lq13 để lại. Mặt khác, ông NĐ2, ông NĐ1 tham gia trong vụ việc tranh chấp giữa ông Lq16, bà Lq15 với ông Thảo từ năm 2006 và đã biết phần đất ông Lq16 đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất nhưng cũng không có ý kiến khiếu nại hay phản đối gì. Từ đó, HĐXX có đủ cơ sở xác định ông Lq16, bà Lq15 đã xác lập QSD đất đối với phần đất do cụ Lq13 để lại. Sau khi ông Lq16, bà Lq15 chết các đồng thừa kế đã lập thủ tục cho ông BĐ hưởng thừa kế nên ông BĐ đã xác lập QSD đất đối với diện tích đất này.

Từ các phân tích trên cho thấy đến thời điểm cụ Lq14 chết vào năm 2010 thì cụ Lq14 chỉ có QSD đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất chung giữa cụ Lq14 với cụ Lq13. Căn cứ Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì di sản của cụ Lq14 là $\frac{1}{2}$ diện tích đất là $1.635,7\text{m}^2 \times \frac{1}{2} = 817,85\text{m}^2$ thuộc thửa số 00, tờ bản đồ số 00, tọa lạc ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang hiện do ông Phạm Quốc BĐ đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất.

[7] Do cụ Lq14 người để lại di sản không có di chúc nên di sản của cụ Lq14 thuộc trường hợp phân chia theo pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 675 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015). Về nguyên tắc phần di sản của cụ Lq14 sẽ được chia đều cho 9 suất thừa kế (vì có 01 người chết trước, không có chồng con), trong đó có tính đến công sức đóng góp, gìn giữ và cải tạo đất của gia đình ông BĐ. HĐXX thống nhất phần công sức tương đương tính tương đương với 1 suất thừa kế. Do đó, phần di sản sẽ được chia thành 10 phần, mỗi phần là $817,85\text{m}^2/10 = 81,785\text{m}^2$.

[8] Xét yêu cầu cụ thể của từng nguyên đơn nhận thấy: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với toàn bộ phần đất là không có cơ sở. HĐXX xác định di sản của cụ Lq14 là $\frac{1}{2}$ diện tích đất là $817,85\text{m}^2$ và được chia đều thành 10 phần gồm 9 suất thừa kế và 01 suất là công sức gìn giữ, cải tạo đất. Theo đó, các nguyên đơn gồm ông NĐ1, ông NĐ2, bà NĐ3, bà NĐ5, bà NĐ4 cùng được hưởng phần đất bằng 5 suất thừa kế với bề ngang 4,86m x bề dài 84,02m có diện tích $408,34\text{m}^2$. Về vị trí đất: phía nguyên đơn yêu cầu được nhận

phía ông Ghi, bị đơn đồng ý giao phía ông Thảo. HĐXX thấy nhằm đảm bảo việc thi hành án nên thống nhất chia cho nguyên đơn phần đất có vị trí phía giáp đất ông Thảo.

Ông BD được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích 1.227,36m² gồm phần đã xác lập QSD đất là 817,85 m², phần 02 phần thừa kế của cụ Lq14 165,75 m² (suất thừa kế của bà Lq15 và công sức cải tạo, gìn giữ) và phần di sản còn lại của cụ Lq14 chưa phân chia. Các thừa kế còn lại chưa yêu cầu có quyền thỏa thuận nếu không được thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[9] Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký QSD đất theo quy định. Trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển quyền ông BD có trách nhiệm giao bản gốc Giấy chứng nhận QSD đất (đã cấp cho ông BD) cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục. Trong trường hợp ông BD không tự nguyện giao bản gốc thì người được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ một phần Giấy đã cấp cho ông BD để thực hiện thủ tục.

[10] Về án phí sơ thẩm: Đây là tranh chấp về thừa kế nên các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được hưởng theo quy định điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Cụ thể:

- + Các nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu được đình chỉ xét xử.

- + Các nguyên đơn cùng chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng có giá trị theo định giá là 4,86m x 67.500.000 đồng/m = 328.050.000 đồng. Tiền án phí là 328.050.000 đồng x 5% = 16.402.500 đồng.

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 1.323.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 7.500.000 đồng, chi phí khai thác hồ sơ lưu là 250.000 đồng, tổng cộng là 9.073.000 đồng. Do các nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu chi phí này. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà các nguyên đơn đã tạm nộp nên các nguyên đơn đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 227, 228, 244, 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 634, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là các điều 612, 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015); khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Tuyên xử:

1- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản là căn nhà và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông Phạm Quốc BD.

2- Xác định Di sản của cụ Huỳnh Thị Lq14 để lại là phần đất có diện tích 817,85m² thuộc thửa số 00, tờ bản đồ số 00, tọa lạc ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang hiện do ông Phạm Quốc BD đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất số BD 910555 do UBND huyện An Minh cấp ngày 29-01-2013.

Các nguyên đơn ông Tống Văn NĐ1, ông Tống Thành NĐ2, bà Tống Thị NĐ3, bà Tống Thị NĐ4, bà Tống Thị NĐ5 cùng được hưởng phần đất (bằng 5 suất thừa kế) có diện tích 408,34m² có vị trí: phía giáp đường Thửa 7 – Cán Gáo và phía giáp đất vườn ông BD là 4,86 m (tính từ điểm 6 và điểm 7 phía giáp ông Thảo trên sơ đồ đo qua); cạnh 6-7 trên sơ đồ giáp đất ông Thảo là 84,02m; cạnh còn lại giáp đất ông BD quản lý.

Anh Phạm Quốc BD được quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất là 1.227,36m² gồm phần đã xác lập QSD đất là 817,85 m², phần 02 phần thừa kế của cụ Lq14 165,75 m² (suất thừa kế của bà Lq15 và công sức cải tạo, gìn giữ) và phần di sản còn lại của cụ Lq14 chưa phân chia.

(Các phần đất tọa lạc tại ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang theo sơ đồ, vị trí giáp ranh, các cạnh được xác định theo Tờ Trích đo địa chính số: TĐ 83- 2019, duyệt ngày 11-07-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh được kèm theo).

3- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký QSD đất theo quy định. Trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển quyền ông BD có trách nhiệm giao bản gốc Giấy chứng nhận QSD đất cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục. Trong trường hợp ông BD không tự nguyện giao bản gốc thì người được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ một phần Giấy đã cấp cho ông BD để thực hiện thủ tục.

4- Về án phí: Nguyên đơn ông Tống Văn NĐ1, ông Tống Thành NĐ2, bà Tống Thị NĐ3, bà Tống Thị NĐ4, bà Tống Thị NĐ5 cùng chịu án phí là 16.402.500 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.134.822 đồng theo biên lai số 0002148 ngày 07-4-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, các nguyên đơn ông NĐ2, NĐ1, bà NĐ4, NĐ5, NĐ3 còn phải nộp tiếp là 15.267678 đồng.

5- Về chi phí tố tụng: các nguyên đơn cùng chịu toàn bộ chi phí là 9.073.000 đồng, gồm: chi phí đo đạc là 1.323.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 7.500.000 đồng, chi phí khai thác hồ sơ lưu là 250.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng các nguyên đơn đã tạm nộp, các nguyên đơn đã nộp xong.

6- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24-02-2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự; Luật sư;
- UBND X. ĐH, AM, KG;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công